

Bản án số: 126/2021/HS-PT

Ngày: 25/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
*Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân.

Các Thẩm phán:

1. Ông Vũ Tất Trình

2. Ông Vũ Văn Lệ

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2021/HS-PT ngày 01/12/2020, đối với bị cáo Nguyễn Duy Hoàng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 899/2021/QĐXXPT-HS ngày 04/3/2021, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 140/2020/HS-ST ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Duy A**; giới tính: nam; sinh năm 1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 195/82 đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: sinh viên trường Đại học Giao thông Vận tải, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Duy E (chết) và bà Phạm Thị G; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người có liên quan đến kháng cáo:

Bị hại: **Công ty TNHH TK**; địa chỉ: Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Minh G**; sinh năm 1961; nơi cư

trú: 30/4/8B đường Vũ Ngọc Phan, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/7/2020); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Duy A là sinh viên của Trường Đại học Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh. Từ tháng 3/2019, bị cáo xin và vào làm việc tại kho hàng của Công ty TNHH TK (Công ty), địa chỉ: Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhiệm vụ của A là sắp xếp hàng hóa lên kệ theo quy định; thời gian làm việc từ 14 giờ đến 23 giờ 30 phút. Đầu tháng 02/2020, vì cần tập trung cho việc học tập nên A nộp đơn xin nghỉ việc và được Công ty chấp nhận cho nghỉ việc từ 21/02/2020. Vào khoảng 20 giờ ngày 20/02/2020 (ngày làm việc cuối cùng của A tại Công ty), A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong kho hàng. Để thực hiện ý định này, A đến kệ hàng để tai nghe, lén lút lấy trộm 01 chiếc tai nghe AirPods Pro màu trắng và 01 tai nghe AirPods 2 màu trắng. A xé bỏ bao bì (là hộp giấy), lấy tai nghe, rồi dùng băng keo dán tai nghe vào ngực và mặc dùng áo che lại, còn hộp giấy thì bỏ vào thùng rác. Sau đó, A đi ra khỏi khu vực kho hàng, nhân viên bảo vệ kho hàng kiểm tra nhưng không phát hiện được. Tiếp theo đó, A giấu 2 chiếc tai nghe trong túi xách cá nhân và cất túi xách trong tủ cá nhân của A. Khi hết giờ làm việc, A mang túi xách về nơi ở tại địa chỉ 195/82 đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, A bán 2 chiếc tai nghe đã nêu cho một người không rõ lai lịch với giá 6.500.000đ, lấy tiền tiêu xài cho cá nhân.

Sau khi phát hiện bị mất trộm, nhân viên của Công ty kiểm tra camera an ninh thì phát hiện vào ngày 20/02/2020, có một nhân viên mặc quần áo màu đen, đeo khẩu trang, lén lút lấy trộm tai nghe và nghi ngờ đó là A.

Ngày 05/5/2020, nhân viên an ninh của Công ty mời A đến làm việc, A thừa nhận vào ngày 20/02/2020, A đã trộm cắp 2 chiếc tai nghe của Công ty (như đã được nêu ở phần trên).

Theo kết luận định giá tài sản số 145/HĐĐGTS-TTHS ngày 19/6/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Tân Bình thì 2 chiếc tai nghe mà bị cáo chiếm đoạt của Công ty có trị giá 12.380.000đ. Tuy nhiên, theo giá niêm yết bán ra của Công ty thì 02 chiếc tai nghe được bán với giá là 8.249.000đ.

Trong quá trình điều tra, A đã bồi thường cho Công ty 8.249.000đ.

Tại bản Cáo trạng số 159/CT-VKS ngày 18/11/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 140/2020/HS-ST ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy A 6 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và các đương sự.

Ngày 21/12/2020, bị cáo A có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước; chỉ vì thiếu thốn nên đã nhất thời phạm tội và đã khắc phục hậu quả. Do vậy, bị cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc giải quyết kháng cáo như sau:

Bị cáo phạm tội đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại. Do vậy, cần áp dụng điểm b, i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo là sinh viên, có nơi cư trú ổn định.

Đối chiếu với quy định của pháp luật, thì bị cáo có đủ điều kiện để hưởng án treo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, xử phạt bị cáo 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 1 năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên và của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Căn cứ lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ thu thập được, có căn cứ để xác định rằng:

Vào ngày 20/02/2020, bị cáo Nguyễn Duy A (bị cáo) đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là 2 chiếc tai nghe hiệu AirPods của Công ty TNHH TK (Công ty), có tổng trị giá là 8.249.000đ. Sau đó, bị cáo bán 2 chiếc tai nghe đã nêu cho người không rõ lai lịch với giá 6.500.000đ, lấy tiền tiêu xài cho cá nhân.

Khi bị nhân viên của Công ty nghi ngờ và mời đến làm việc, A đã khai nhận hành vi phạm tội. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường 8.249.000đ cho Công ty.

[2].Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và xâm phạm đến trật tự công cộng. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là trái pháp luật nhưng do động cơ vụ lợi nên vẫn cố ý vi phạm.

[3].Căn cứ vào các nhận định đã nêu, đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo theo tội danh, điều luật như đã vừa nêu là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b, i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ.

[4].Về kháng cáo của bị cáo:

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã được nêu, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo. Mặt khác, bị cáo là sinh viên, tuổi đời còn trẻ, phạm tội có tính nhất thời. Do vậy, cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đối với tội trộm cắp, mục đích của người phạm tội là chiếm đoạt tài sản. Trong vụ án này, bị cáo lén lút trộm cắp 02 chiếc tai nghe, trong quá trình thực hiện không bị phát hiện và không có ai ngăn cản. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định bị cáo “*cố ý thực hiện tội phạm đến cùng*” và xem đây như là một trong những căn cứ để không cho bị cáo được hưởng án treo. Nhận định như đã nêu là không phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo “*cố ý thực hiện tội phạm đến cùng*” nhưng lại không áp dụng điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự khi xử lý là có sự mâu thuẫn trong nhận thức và áp dụng pháp luật.

Căn cứ vào các nhận định đã nêu; căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, cần cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, tạo cơ hội cho bị cáo tự cải tạo.

[5].Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1.Sửa bản án sơ thẩm số 140/2020/HS-ST ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy A** 6 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 1 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 2 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)./.

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - TAND cấp cao tại TP.HCM | (1) |
| - VKSND TP. HCM; | (3) |
| - VKSND quận Tân Bình; | (1) |
| - PC53 - CATP; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Dương sự: | (2) |
| - Chi Cục THA quận Tân Bình; | (1) |
| - TAND quận Tân Bình; | (2) |
| - Công an quận Tân Bình; | (1) |
| - Sở Tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Lưu: THS, hồ sơ, VT (22). | (4) |

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân